

Số: 23/2026/QĐST-DS

Ninh Bình, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2026/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đức H sinh năm 1976; số căn cước công dân 0370760002xx ngày cấp 16/12/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ xóm T (nay là thôn Đ), xã K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Công ty cổ phần T; địa chỉ tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố B), phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn N sinh năm 1968; số căn cước công dân 0370680017xx ngày cấp 09/5/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hợp đồng dịch vụ gặt lúa: Công ty cổ phần T nợ tiền công gặt lúa của ông H, trong các vụ gặt từ vụ tháng 5/2016 đến hết vụ gặt tháng 5/2021 là 127.668.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Ông N đại diện cho Công ty cổ phần T và ông H thoả thuận; Công ty cổ phần T trả tiền công gặt lúa còn nợ của các vụ gặt từ vụ tháng 5/2016 đến hết vụ tháng 5/2021 cho ông H là 127.668.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và trả trong 06 kỳ như sau:

- Ngày 20/8/2026 Công ty cổ phần T trả cho ông Trần Đức H là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 20/9/2026 Công ty cổ phần T trả cho ông Trần Đức H là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 20/10/2026 Công ty cổ phần T trả cho ông Trần Đức H là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 20/11/2026 Công ty cổ phần T trả cho ông Trần Đức H là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 20/12/2026 Công ty cổ phần T trả cho ông Trần Đức H là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 20/01/2027 Công ty cổ phần T trả cho ông Trần Đức H là 27.668.000 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền Công ty cổ phần T phải trả cho ông H cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng Công ty cổ phần T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Văn N đại diện cho Công ty cổ phần T và ông Trần Đức H thỏa thuận Công ty cổ phần T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.191.700 đồng (Ba triệu một trăm chín một nghìn bảy trăm đồng).

- H1 lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Trần Đức H là 10.088.000 đồng (mười triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng), theo giấy nộp tiền thu phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính số 1856496 ngày 17/4/2026 của Ngân hàng N1 chi nhánh Y.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh NB;
- VKSND Khu vực 4 - Ninh Bình;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Văn Lực